

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 2

(Phần Thượng)

“*Kiều-phạm-ba-đề*”: Trung hoa dịch là Ngưu Ti. Kinh Vô Lượng Thọ gọi là Ngưu Vương. Kinh Tăng Nhất gọi là Ngưu Tích. Năm trăm đời trước ngài từng là Ngưu Vương, trâu sau khi ăn thường nhai khổng, do dư báo chưa hết nên miệng thường mấp máy người đời gọi là Ngưu Ti. Kiếp xưa, có năm trăm con chim nhạn, có một con thường cung phụng hoa quả đối với nhạn vương. Vào một mùa hạ Đức Phật thọ thỉnh của A- kỳ-đạt-vương, năm trăm Tỳ-kheo đều ăn lúa ngựa, nhưng riêng Kiêu-phạm ở trên vườn Thi-lợi-sa cõi trời thọ sự cúng dường của thiên vương. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: “Ưa ở cõi trời, không ưa ở nhân gian, thì Tỳ-kheo Ngưu Tích là đệ nhất”. An vui ở cõi trời là tùy lạc dục, là nghĩa Thế giới Tất-đàn. Cúng dường Nhạn vương được phước báo đến vậy, là nghĩa Vị nhân Tất-đàn. Tránh người thế gian chê cười, là nghĩa Đối trị Tất-đàn. Cõi trời không cười, là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn... Lại nói người đời chỉ xem thấy hình dáng bên ngoài mà không biết có đức bên trong, nếu cười khinh La-hán tức mắc tội. Để tránh người đời cười chê hình dáng kia, nên ngài thường ở cõi trời. Cõi trời biết có đức nên không cười chê, cho nên ngài thường ở cõi trời. Sau khi Đức Phật diệt độ, ngài Ca-diếp vân tập một ngàn đại A-la-hán thì thiếu sót một Tăng hạ tòa, nên sai sứ đi thỉnh Kiêu-phạm-ba-đề, Kiêu-phạm-ba-đề hỏi: Phật và Hòa thượng còn không? Đáp: Đều đã diệt độ, Kiêu-phạm nói: “Đức Phật ra đời, tôi ra đời. Phật ở đời, tôi ở đời, nay Phật diệt độ, tôi cũng diệt độ. Tứ chúng nên như bốn dòng nước chảy về Ngài Đại Ca-diếp”, và thuyết kệ rằng:

*“Đấng Voi chúa đã đi
Voi con cũng theo đi
Đấng Thế Tôn đã diệt
Tôi ở lại làm gì?”*

Căn cứ về giáo: An trú vườn ở cõi trời là chỉ bày điều thiện, miệng

nhai như trâu là chỉ điều ác, đó là ý của Tam tạng. Miệng nhai như trâu, thân được đắc đạo, đây là chỉ điều ác mà chẳng phải ác, ở trên cõi trời mà nhai chỉ điều thiện mà chẳng thiện, đó là ý của Thông giáo. Chỉ trong thiện ác trong ngoài cõi, là ý của Biệt giáo. Chỉ thật tướng của thiện ác, là ý của Viên giáo.

Bản Tích: Bản, trụ bốn Vô sở úy, an trụ nơi thánh chủ như Ngưu vương đệ nhất nghĩa. Tích, là chỉ bày Ngưu Ti ưa ở cõi trời.

Quán tâm: quán lý trung đạo nơi tâm tánh, an nhiên bước trên đất phóng nhanh như gió, tức quán ngưu vương.

“Ly-bà-da” cũng gọi là Ly Việt, Trung hoa dịch là Tinh Tú hoặc Thất

Tú hoặc Giả Hòa Hiệp, Kinh Văn-Thù Vấn gọi là Thường Tác Thanh (Thường lên tiếng). Cha mẹ ngài cầu khẩn tinh tú mà sinh ra ngài, nên cảm ân đức đó mà đặt tên ngài là Tinh Tú. Tuy được xuất gia, nhưng giữ tên cũ. Giả Hòa Hợp: Có người dẫn Thích luận giải thích: Một hôm hành hóa lỡ đường, ngài vào trong đình nghỉ qua đêm, thấy có hai con quỷ tranh nhau thầy chết, chúng thấy ngài và nhờ phân xử. Dù y theo lý hay không cũng vô ích, đều không tránh khỏi sự tai hại, cho nên ngài theo sự thật mà đáp. Đại quỷ bẻ tay chân ngài, tiểu quỷ bẻ tay người chết bù vào... cứ như vậy ăn xong lau miệng mà đi, nhân đó mà ngài buồn phiền không so sánh biết được là thân ai, nên gọi Giả Hòa Hợp.

Thường tác thanh: Tức nghi việc này, nếu bản thân ta thì tận mắt thấy bị bẻ bở, nếu là thân người khác sao lại theo ta đi đứng, đang nghi hoặc, còn do dự thì gặp người liền hỏi: “Ông thấy thân tôi không?” Cho nên nói là Thường Tác Thanh, Chúng Tăng nói: “Người này dễ độ”, rồi nói tiếp: “Thân ông vốn là thân thể người khác sót để lại, chứ chẳng phải mình có”, nghe xong liền đắc đạo. Kinh Tăng Nhất nói: “Người tọa thiền nhập định, tâm không điên đảo, thì đệ nhất là Ly Việt Tỳ-kheo”.

Căn cứ về giáo: Phá bẻ ngũ ấm không có ngã sở hữu là ý của Tam tạng. Thể đạt ngũ ấm vốn chẳng phải ngã hữu, là ý Thông giáo. Phân biệt ngũ ấm của mười pháp giới đều không phải mình có, là ý của Biệt giáo. Thông đạt ngũ ấm chẳng phải ngã hữu chẳng phải tha hữu, kiến ấm thật tướng, tức ý của Viên giáo. Bản Tích: Bản, trú nhật tinh tú Tam-muội. Tích nêu bày danh này. Quán tâm: Quán tâm niệm Phật thấy nhiều Đức Phật trong mười phương, như ban đêm thấy sao...

“Tất-lãng-già-bà-ta”, Trung hoa dịch là Dư Tập. Vốn năm trăm đời là Bà-la-môn, tính khí còn kiêu ngạo, đi khát thực thường qua sông Hằng lấy tay chỉ quát: “Con nhãi ranh kia hãy dừng chảy!”, thì dòng nước tách làm đôi. Thần sông Hằng đem chuyện này báo cáo với Phật,

Phật bảo phải sám hối, Tất-lăng liền chấp tay nói: “Thần sông Hằng! Con nhãi ranh kia đừng có giận nữa!” Đại chúng cười âm lên, nói “đã xin lỗi lại còn mắng nữa”. Phật bảo: “do tập khí ngày xưa dòng Bà-la-môn còn sót lại, chứ xin lỗi thật không có tâm kiêu mạn nữa”. Kinh Tăng Nhất nói: “Ngồi dưới gốc cây khổ tu, không ngại mưa gió, là Bà-ta Tỳ-kheo”.

Căn cứ về giáo: Diệt mạn không còn mạn, là ý của Tam tạng. Tức mạn mà không có mạn, là ý của Thông giáo. Phân biệt sự cao thấp trong mười pháp giới là ý của Biệt giáo. Tám tự tại ngã đầy đủ Phật pháp, là ý của Viên giáo. Bản Tích: Bản, trụ thường lạc ngã tịnh tám tự tại ngã. Phạm âm vi diệu. Tích, nêu bày tâm mạn khẩu ác. Quán tâm: quán lời nói thô diệu đều qui về Đệ nhất nghĩa...

“Bạc-câu-la”: Trung hoa dịch là Thiện Dung, hoặc Vĩ Hình, hoặc Đại Phì Thạnh, hoặc Nhu Nan, hoặc Lăng Đặng, hoặc Mai Tánh. Vì sắc mạo đoan chánh, cho nên gọi là Thiện Dung, ngài thọ một trăm sáu mươi tuổi, không hề bị bệnh không chết yểu. Có năm phước báo cho nên không chết yểu: Sau khi mới sinh hiện tướng lạ, mẹ thử đem để trên bàn ram nướng cho chết mà không chết. Lại, đem thả giữa sông cá nuốt, cá bị người bắt lấy dao mổ bày ngài ra ngoài mà không chết... Do đời trước giữ giới không sát sinh nên chín mươi một kiếp được sống lâu không chết yểu, do xưa từng cúng trái A-lê-lặc cho một vị tăng có bệnh, nên quả báo thân thường không bệnh, có thể giữ trì một giới thì bốn giới trang nghiêm, kiên trì không phạm không tránh nước lửa, những người khác tuy trì năm giới mà phần nhiều hủy phạm... Lại, ưa ở chỗ vắng lặng, không ưa ở trong chúng, mắt không ưa nhìn thấy các màu sắc... tai không ưa nghe âm thanh thế giới, mũi không ưa ngửi mùi thơm hôi thế gian, lưỡi chưa từng vì người thuyết một đôi ngữ, ý thường trong thiền định không tán loạn, cho đến tháp Xá-lợi của Ngài cũng ưa để chỗ nhân tịnh, A-dục Vương lễ tháp của các bậc La-hán tiếp đến lễ tháp của ngài và nói kệ rằng: “Lúc còn ở đời tu ở chỗ vắng, rèn đức vô minh ít có lợi ích cho đời”, và cúng hai mươi cái bảo bối. Kinh Tăng Nhất nói: Vua cúng thí xong, thì tiền và bảo bối từ trong tháp bay ra theo dích chân của vua. Các đại thần thấy thế kinh ngạc. Vua nói: “Lúc Tôn giả còn ở nhân gian ưa ở một mình nơi vắng, thiếu dục, cho đến nay tháp của ngài vẫn còn có lực như vậy,” Kinh Tăng Nhất nói: “Thọ mạng rất lâu dài, trọn không chết yểu, thường ưa ở nơi vắng lặng, không ưa ở trong chúng, thì Bạc-câu-la là đệ nhất”.

Căn cứ về giáo: Diệt ồn ào nhập Chân là Tịch tịnh theo Tam

tạng giáo. Tức huyền não mà Chân, là Tịch tịnh theo Thông giáo. Là nhị biên nhập Trung, là Tịch tịnh theo Biệt giáo. Tức biên mà Trung, là Tịch tịnh theo Viên giáo. Bản Tích: Bản, trụ nơi đại định tịch diệt, thọ mạng lâu dài là “thường”, không bệnh là “lạc”, không chết yếu là “ngã”, tịch tĩnh là “tịnh”, Bản ở nơi bốn đức này. Tích, thị hiện lục căn tịch tịnh. Quán tâm: Tâm tánh trung đạo, tức Không tức Giả tức Trung, là quán thường lạc ngã tịnh.

“Ma-ha-câu-ly-la”: Trung hoa dịch là Đại-tất, cậu của Xá-lợi-phất, nguyên do luận hơn chị nhưng đối với bào thai không hơn, biết đưa trẻ trong bào thai mà trí tuệ còn như vậy hướng chi khi ra khỏi bào thai... liền bỏ nhà đến Nam Thiên Trúc, đọc thông mười tám kinh. Người thời ấy cười ngài cho rằng: “nhiều kiếp khó thông, một đời chẳng xuể”. Ngài bùi ngùi than rằng: “Ở nhà thì thua chị, ra đường thì bị người khác khinh”. Ngài thề gắng học đọc hết sách kinh, đến nỗi không nhàn rỗi để cắt móng tay, nên người thời ấy gọi ngài là Trưởng Trảo Phạm Chí. Học xong trở về nhà hỏi cháu đã được sinh và ở đâu? Mọi người nói hiện làm đệ tử Phật, liền sinh tâm kiêu mạn nói cháu ta tám tuổi tài giỏi danh vang khắp năm nước Thiên Trúc, Sa-môn kia có đạo thuật gì mà dụ dỗ cháu ta? Bèn đi đến chỗ Phật. Suy nghĩ hồi lâu, không đắc một pháp nhập tâm nào, mới nói với Phật rằng: “Tất cả pháp không nhãn, nhãn tức là nghĩa an. Đây nói tất cả pháp ta đều phá khiến không được an, cho nên nói tất cả pháp không nhãn”. Đức Phật hỏi: “Ông thấy là nhãn hay không?” Ông rơi vào chỗ lưỡng phụ (hoàn toàn bị thua): “nếu ta thấy nhãn, thì trái với trước đã nói tất cả pháp không nhãn, nếu ta thấy không nhãn thì không thể hơn Phật”, liền cúi đầu đắc pháp nhãn tịnh. Thân-tử đứng hầu Phật, nghe câu biện luận, liền đắc quả A-la-hán. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: “Đắc Tứ biện tài gặp nạn vấn có thể đáp ngay, đệ nhất là Câu-hy-la. Thiên vương ở phương Nam tên Tỳ-lưu-bặc-xoa thường theo hầu ngài”.

Ước về giáo: Ngoài thông bốn bộ kinh Vi-đà, trong thông Tam tạng là Tam tạng tứ biện tài. Ngã vô sở đắc nên biện tài mới như vậy, là Thông giáo biện. Hoặc danh hoặc nghĩa khắp mười pháp giới, là Biệt giáo biện. Y nơi thật tướng biến khắp tất cả, là Viên giáo biện.

Bản Tích: Bản, trụ nơi khẩu mật khẩu luận bất tư nghì giáo hóa đại định đại tuệ. Tích, thị hiện làm Đại Tất. Quán tâm: Quán tâm tức Không tức định, tức Giả tức tuệ, để trang nghiêm tâm kia...

“Nan-đà”: Cũng gọi là Phóng Ngưu Nan-đà, Trung hoa dịch là Thiện Hoan Hỷ, cũng dịch Hân Nhạo. Vua Tịnh Phạn bắt ép mười vạn

người thuộc dòng họ Thích xuất gia, ngài là một người trong số đó. Có sư nói là Bạt-nan-đà trong Luật vậy.

Căn cứ về giáo: thì sự hoan hỷ, lý không hoan hỷ, là ý của Tam tạng. Tức sự hoan hỷ là lý hoan hỷ là ý của Thông giáo. Hoan hỷ địa, tức là ý của Biệt giáo. Hoan hỷ trụ, tức là ý của Viên giáo.

Bản tích: Bản, trụ nơi thật tế, chẳng phải hỷ, chẳng phải không hỷ. Tích, gọi là Hoan hỷ. Quán tâm: Quán tâm cùng lý tương tự tương ứng, nên gọi là Hoan hỷ quán.

“Tôn-đà-la Nan-đà”: Tôn-đà-la, Trung hoa dịch là Hảo Ái, cũng là Đoan Chánh. Nan-đà như trước nói. Dòng họ: Như Ngài A-na-luật. Ngài ở trong thai mẹ bốn tháng chín ngày thì sinh, người thấp hơn Phật bốn ngón tay, dung nghi đĩnh đạc đặc biệt, rất khác với đời, Nếu đi vào trong chúng thì có người không biết, tưởng là Đức Phật đến. Luật Sa-di-tắc nói: Ở nước Ma-kiệt có ngoại đạo loả thân, rất thông minh người trong nước gọi là trí giả kiến giả, cùng với Thân-tử luận nghị rất hợp, nảy sinh thiện tâm, muốn ở trong Phật pháp xuất gia, thấy Nan-đà diện mạo tuyệt đẹp như thiếu nữ liền khen rằng: Tỳ-kheo nhỏ bé trí tuệ khó lường huống chi là đường tăng tướng ư! Nan-đà liền độ cho xuất gia. Vợ của Ngài Nan-đà là Tôn-đà-lợi rất đoan chánh, hai người khi ăn, khi ngủ không hề xa nhau, một hôm Đức Phật cùng A-nan đi khất thực đến trước cửa nhà, ông cùng vợ ngồi trên lầu cao ăn cơm, thấy Đức Phật liền đứng dậy nghinh tiếp, người vợ nói đợi chồng về cùng ăn. Nan-đà bạch Phật rằng: Chuyển luân vương tại sao tự làm nhục dòng họ? Nói rồi cầm bát của Phật lấy thức ăn. Đức Phật liền trở về vườn Ni-câu lại bảo A-nan sai Nan-đà dâng thức ăn đến. A-nan truyền lời Phật dạy khiến Nan-đà dâng cơm hầu Phật. Phật sai chúng giữ lại và cho cạo đầu, bằng không thì phải cầm dao đến cạo đầu cho vua Diêm-phù-đề. Nan-đà đành chịu để cạo đầu. Sáng ngày Đức Phật cùng Đại chúng năm trăm Tỳ-kheo đi ăn theo lời thỉnh của đàn việt, Nan-đà xin ở lại giữ chùa ý muốn trốn đi, Đức Phật chấp thuận và dặn đóng cửa phòng quét đất. Khi đóng cửa phía Nam quét rồi, liền mở cửa phía Bắc để quét, quét xong thì cửa phía Nam lại rác rưởi dơ bẩn như cũ. Lại sợ Đức Phật về, ngài liền trốn trở về nhà, không may giữa đường gặp Phật, liền núp sau thân cây. Đức Phật hiện hóa cây bay lên hư không, thấy ngài liền gọi và đem về Tinh xá. Đức Phật hỏi: Vì sao bỏ đi? Nan-đà đáp: Đang cùng vợ ăn, nay sợ vợ chờ nên trở về cùng ăn và vì nhớ đến vợ. Đức Phật liền đem Nan-đà dạo khắp trên cõi trời rồi xuống địa ngục... cho nên đem vợ để nêu lên.

Ước về giáo: Tục đế có pháp hỷ, Chân đế không có pháp hỷ, đó là Tam tạng giáo. Hỷ Tục đế tức hỷ Chân đế, đó là Thông giáo. Từ Thông pháp hỷ mà có Tục pháp hỷ và Trung pháp hỷ, đó là ý Biệt giáo. Tức Thông hỷ đầy đủ hết thấy pháp hỷ, đó là ý của Viên giáo. Bản tích và Quán tâm, như trước nói...

Phú-lâu-na, dịch là Mãn Nguyên. Di-đa-la dịch là Từ. Ni là nữ, cha ngài ở sông Mãn cầu đảo mà sinh ra con, chính ở sông này lại mộng thấy bảy báu, đựng đầy báu vào trong lòng mẹ, mẹ mang thai con, cha được mãn nguyện, do cầu thỉnh nguyện đầy đủ cho nên nói Mãn Nguyên. Mẹ tên Di-đa-la-ni, Trung hoa dịch là Từ Hạnh, cũng gọi là Tri Thức. Trong bốn bộ kinh Vi-đà có phẩm tên ấy mà người mẹ thường tụng, nên lấy đó đặt tên con. Ni là nữ, gọi chung nữ là “ni”, gọi nam là “na”, đã là từ chỗ Từ sinh ra cho nên nói Từ Tử. Kinh Tăng Nhất nói: Cha ta tên Mãn, mẹ ta tên Từ, các người phạm hạnh gọi ta là Mãn Từ Tử. Đây là theo hai duyên của cha mẹ, nên nói Mãn Từ Tử. Người này khéo giỏi biết hiểu hết kinh sách nội ngoại, không gì là không biết, hiểu biết đầy đủ cho nên gọi là Mãn. Kinh Tăng Nhất nói: “Có khả năng diễn thuyết rộng, phân biệt nghĩa lý, đệ nhất là Mãn Từ Tử.” Văn dưới nói: “Là người thuyết pháp đệ nhất”. Ngài muốn trở lại bản quốc làm lợi ích, nên Phật dạy: Nước kia xấu ác ông phải làm sao? Đáp: “Con sẽ tu nhẫn. Nếu họ hủy nhục con thì con vẫn thấy may mắn vì họ chưa nặng tay đánh đập con. Nếu họ nắm tay đánh con, thì con vẫn thấy may mắn vì họ chưa lấy roi gậy đánh đập con. Nếu họ dùng roi gậy đánh, thì con vẫn thấy may mắn vì họ chưa dùng đao búa đâm chém con. Nếu họ dùng đao búa đâm chém con, thì con vẫn thấy may mắn vì họ đã giết sắc thân ngũ ấm của con”. Đó gọi là hành nhẫn đầy đủ cho nên gọi tên là “Mãn”. Trong Kinh Thất Xa Dụ Thuyết, Đại trí Xá-lợi-phất đã xưng tán ngài rằng: “Tất cả những người tu phạm hạnh đều tôn trọng vây quanh đảnh lễ ông. Nếu thấy ông, thì họ được lợi ích lớn”. Đó là khen ngợi đầy đủ, cho nên gọi tên là “Mãn”.

Căn cứ về giáo: Ân cần phân tích pháp, việc làm đã xong, đó là Tam tạng nguyện mãn. Thể đạt tức Không, nơi pháp Không mà chứng đắc, là Thông giáo nguyện mãn. Pháp nhẫn đầy đủ, là Biệt giáo nguyện mãn. Trụ nơi bí mật tạng, là Viên giáo nguyện mãn. Bản tích: Bản nguyện từ lâu đã mãn. Tích, là thuyết pháp đệ nhất, chỉ bày cho chúng sinh hiểu biết. Quán tâm: Quán lý Nhân hạnh v.v... trong chỉ quán, tức quán Thiện tri thức.

“**Tu-bồ-đề**”, Trung hoa dịch là Không Sinh. Khi sinh ngài thì đồ

đặc đầy đầy trong nhà tự nhiên biến mất, thấy đều trống không, hỏi thầy bói xem thì họ nói đây là điềm lành, nhân Không mà sinh, cho nên đặt tên là “Không Sinh”. Do y báo, tức là trong nhà đồ đạc trống không, mà đặt tên cho chánh báo. Y chánh đều tốt lành, cho nên nói không sinh. Thường tu Không hạnh, cho nên gọi “Thiện nghiệp”. Như cúng dường được quả báo hiện tại, nên gọi “Thiện Cát”. Thường ưa du hành, ở nơi hang đá rừng cây yên tịnh, sự tu hành nghiệp lấy “Không” làm gốc, thường nhập Không định, trú Vô-tránh Tam-muội, ưa thuyết pháp Không, nếu tuyên thuyết thì đều phân biệt Không, họ chúng sinh khiến không ngăn ngại, không ưa hành thì trụ, không ưa trụ thì hành. Đức Phật ở cung trời Đao-lợi xuống, trong khi mọi người vây quanh tranh nhau đón Phật đánh lễ, thì ngài ngồi ngay ngắn trong hang đá, quán niệm các pháp Không, “sắc” chẳng phải Phật cho đến “thức” chẳng phải Phật, “mắt” chẳng phải Phật, cho đến “ý” chẳng phải Phật, mà bỗng nhiên ngộ đạo. Tỳ-kheo Liên Hoa Sắc tưởng mình là người đến đón Phật trước nhất, Phật bảo Liên Hoa Sắc : “Chẳng phải người đánh lễ ta trước, người chỉ đánh lễ sắc thân ta, nếu lễ pháp thân ta thì chính Tu-bồ-đề trước”.

Căn cứ Giáo: Từ có diệt sắc mà Không trí phát sinh, thể sắc mà Không trí phát sinh. Từ Hữu trí mà sinh Không trí, từ Không trí mà sinh Tục trí, từ Tục trí sinh Trung trí. Không sinh tức Hữu trí, đó là theo Viên giáo mà nói Không trí sinh. Đây là Không trí sinh theo nghĩa của Viên giáo. Bản tích: Bản, trú nơi pháp thân thật tướng. Tích, thị hiện Không mà sinh. Quán tâm: Chẳng tại trong, ngoài, trung gian, chẳng tự có, đó gọi là quán tâm pháp thân.

“**A-nan**” Trung hoa dịch là Hoan hỷ, hoặc Vô Nhiễm. Vua Tịnh-phạn hy vọng Thái tử làm Kim luân bá chủ tông miếu xã tắc, bỗng nhiên ngài bỏ nước, vua lo buồn tuyệt vọng, ma đến nói dối là “con ông đã chết”. Vua khóc lóc than: “A-di (tên A-tu-đà) đã nói con ta có tướng tốt, lời nói ấy không hiệu nghiệm sao?” Lại có trời đến nói: “con ông thành Phật”, vua nghi ngờ chưa rõ, trong chốc lát lại có tin báo đêm qua trời đất chấn động bởi vì Thái tử thành đạo, vua rất vui mừng. Bạch Phạn vương tâu vừa mới sinh con, nước đã vui lại có thêm tin vui, nhân đó đặt tên là “Hoan hỷ”, đó là do cha mẹ đặt tên. A-nan diện mạo khôi ngô đoan chính mọi người thấy đều ưa thích. Sau theo Phật xuất gia Đức Phật sai đắp y che vai. Một hôm, có một cô gái dẫn đứa bé đến giếng múc nước, thấy A-nan mắt nhìn không rời, bất giác cầm dây gàu quấn cổ đứa bé... Kinh Trung A-hàm nói bốn chúng nếu nghe A-nan thuyết

hoặc nhiều hoặc ít, đều rất hoan hỷ, muốn nói hỏi gì trước hết cười vui vẻ làm cho đại chúng đều rất hoan hỷ. Bốn chúng nếu thấy ngài dù là im lặng đi đứng nằm ngồi hay chỉ bảo phân chia chỗ tiến dừng, động chuyển thì cũng đều rất hoan hỷ. A-nan sinh ngày tám tháng tư, đúng ngày Đức Phật thành đạo. Sau khi xuất gia làm thị giả Đức Phật được hai mươi lăm năm, lúc ấy Đức Phật đã năm mươi lăm tuổi, A-nan lúc đó hai mươi lăm tuổi. Đức Phật muốn tìm người thị giả, năm trăm Tỳ-kheo thỉnh Phật vì như trước đã nói Đại chúng khuyên A-nan, A-nan thuận theo, năm trăm Tỳ-kheo đều hoan hỷ, Mục Kiền Liên có hơi ganh, A-nan bèn xin ba điều kiện, Đức Phật vì biết có sự cơ hiểm, nên chấp thuận cho:

1. Không thọ nhận y cũ và thức ăn của Phật.
2. Muốn tự lợi ích.
3. Ra vào không thời gian qui định.

Đây là ba điều kiện A-nan cầu xin. Phật nói A-nan trong quá khứ đã làm thị giả, cho ta, nghe ta nói đều hiểu nhớ không quên, nay Phật chưa phát ra lời mà A-nan đã hiểu ý của Như Lai, việc gì cần hay không cần A-nan đều hiểu biết, cho nên Đức Phật đem pháp giao phó cho A-nan, Phật rất hoan hỷ. Tứ Thiên Vương mỗi vị đều cúng dường bát cho Đức Phật, Đức Phật gộp lại đẽ xuống thành một bát, bốn gộp một hẳn nhiên bát nay rất nặng, A-nan hoan hỷ giữ gìn không mệt mỏi. Kinh Trung A-hàm quyển hai mươi bảy nói A-nan hầu Phật hai mươi lăm năm, nghe tám mươi ngàn điều-độ đều đọc tụng không sót, không hỏi lại một câu, niệm lực hoan hỷ. A-nan theo Phật vào cõi Trời người, Long cung, thấy Thiên nữ, người nữ, long nữ mà tâm không đắm nhiễm, tuy chưa diệt tận tư hoặc nhưng không bị đắm nhiễm, hết thấy nhân thiên long thần đều hoan hỷ. Sau khi Đức Phật diệt độ, A-nan ở trên tòa Sư tử, Ca-diếp và Đại chúng khen rằng:

*Mắt như trăng thu tròn đầy
Mắt xanh biếc tựa hoa sen
Phật pháp rộng như biển cả
Đều rót vào tâm A-nan.*

Đến đúng thời, A-nan nhập Niết-bàn trên không trung giữa dòng sông Hằng vì sợ hai nước gây chiến, sợ giữa Tỳ-xá-ly và A-xà-thế tranh giành, ngài dùng hoả quang Tam-muội thiêu đốt tấn nhập Niết-bàn, rồi phân thân làm bốn phần xá lợi: một cho cõi trời, một phần thuộc cõi rồng, một phần thuộc Tỳ-xá-ly, một phần thuộc A-xà-thế. Về sau, A-dục vương lễ tháp A-nan, cúng ngàn vạn tiền vàng và làm kê tán thán

rằng: “Năng nhiếp trì pháp thân, pháp sáng nên pháp trụ, niệm trí Phật như biển, nên lập thượng cúng dường. Nhớ nghĩ nghe rất nhiều, phát âm thanh vi diệu, Thế Tôn thường tán thán, được người trời ưa thích”. Kinh Tăng Nhất nói: “Biết thời biết vật không nghi ngờ, nhớ rõ không quên, đa văn rộng lớn, thông đạt tất cả, có khả năng phụng thờ pháp, bậc nhất là A-nan”

Căn cứ Giáo: Hoan Hỷ A-nan, là theo Tam tạng giáo. Hiền A-nan, là theo Thông giáo. Điển Tạng A-nan, là theo Biệt giáo. Hải A-nan, là theo Viên giáo. Bản tích: Bản, trú phi hoan hỷ phi bất hoan hỷ, pháp thân như hư không, trí tuệ như mây mưa, năng trì năng thọ. Tích, là hoan hỷ. Quán tâm: Quán tâm cùng tương tự, tức Không tức Giả tức Trung tương ứng, đó là quán tâm Hoan hỷ cho đến Chân quán tương ứng...

“**La-hầu-la**” Trung hoa dịch là Phú chướng. Do đời trước ông lấp hang chuột, lại không thấy Bà-la-môn sáu ngày, do duyên ấy cho nên gọi là Phú Chướng. Thái Tử chưa có con cầu xin xuất gia vua cha không cho ân cần khuyến bảo, vua nói: “nếu con có con nối dõi, ta sẽ cho con xuất gia”. Bô-tát chỉ tay vào bụng phi tử, nói “sau sáu năm sẽ sinh con trai”. Do ở trong thai sáu năm nên gọi Phú Chướng. Chân Đế Tam Tạng nói: La-hầu vốn gọi là Tu-la, tay có thể che mặt trăng mặt trời, theo đây mà dịch nghĩa thì lẽ ra là Chướng nguyệt. Phật nói: La-hầu-la như mặt trăng trong Phật pháp, đứa trẻ này làm chướng ngại ta, không cho ta xuất gia ngay, đời đời làm chướng ngại ta, ta đời đời có thể xả bỏ, cho nên nói Phú Chướng. Sau khi Thái tử xuất gia Gia-thâu có thai, những người dòng họ Thích giận nói do duyên gì mà có, muốn trị muốn giết, tiếng xấu vang khắp. Bảo nữ Cù-tỳ-la chứng minh, là sai lầm một chút. Nhân đốt hầm lửa, phát đại thệ nguyện: “Nếu ta làm trái thì mẹ con đều chết. Nếu là di thể chân thật thì trời phải làm chứng”. Rồi bỗng con nhảy vào hầm, hầm lửa biến thành ao hoa sen đỡ mẹ con lên. Thấy vậy vua và mọi người không còn nghi ngờ. Sau khi Đức Phật trở về nước, Gia-thâu sai La-hầu-la dâng lên Phật thuốc hoan hỷ (thuốc bổ). La-hầu-la tuổi còn nhỏ hồn nhiên ở trong chúng chạy thẳng lên đưa Phật. Gia-thâu do đó không còn oán trách, oán trách do có con cho nên nói Phú Chướng. Vua cha hoan hỷ cho Thái tử xuất gia, nghĩ rằng tuy mất con nhưng còn có cháu, cháu sẽ thay thế làm vua, ta cũng không hận gì, tưởng may mắn có thần báu đến, nhưng Phật cũng đem đi xuất gia, vua cha không cho, Gia-thâu đem lên trên lầu cao, Mục Kiền Liên bay trên không đón nhận và đem đến Đức Phật liền độ cho xuất gia, giao phó cho Xá-lợi-phất thâu làm đệ tử, đã xuất gia rồi thì vương vị

cũng mất cho nên nói Phú Chưởng. Sa-di La-hầu tuổi còn nhỏ, ưa đùa nghịch, vọng ngữ, Quốc Vương Đại Thần Bà-la-môn cư sĩ đến cầu xin thấy Phật. La-hầu đáp không có khiến vô lượng người không thấy được Phật, đó là ngăn chướng người khác, đó gọi là vọng ngữ. Đức Phật biết chuyện quở trách. Một hôm Thế Tôn đi kinh hành trở về sai La-hầu-la lấy nước rửa chân, chọn ba cái chậu úp và ba cái chậu ngửa. Rồi chỉ ba chậu úp xuống đất, bảo đổ nước vào. La-hầu đáp: “Chậu úp làm sao chứa nước?” Phật nói: “Người cũng như chậu úp, ở trong Phật pháp nhưng không thể chứa nước pháp, từ nay nên nói thật, không được vọng ngữ”. Từ đó về sau, La-hầu siêng năng tu đạo, những gì không hiểu thì bạch hỏi Phật. Phật hỏi: Ông đã vì người thuyết ngữ ám chưa? Đáp: Chưa! Phật bảo: Ông nên vì họ mà thuyết. La-hầu-la thuyết xong Phật lại hỏi: “Ông thuyết pháp thập nhị nhập, thập bát giới chưa? Thuyết pháp là môn khiến đắc đạo. Nếu muốn đắc đạo thì nên vì người khác mà thuyết pháp”. Nhân đó La-hầu-la thuyết pháp rộng rãi, về sau ngài đắc đạo, nên gọi là Phú Chưởng. Tự mình đã đắc đạo kiến ái đều trừ, hết sinh trong ba cõi, cho nên gọi Phú Chưởng. Hết sinh trong ba cõi, nguyện không thể lôi kéo, cho nên nói Phú Chưởng. Phật dạy: “Tứ đại La-hán không được diệt độ, đợi đến khi pháp của ta diệt tận”. Do đó, trụ trì đến nay chưa đắc nhập Vô dư Niết-bàn, nên nói Phú Chưởng.

Căn cứ Giáo: Phân tích pháp Đạo đế, ngăn chướng tứ trụ phiền não là ý của Tam tạng giáo. Thế pháp Đạo đế ngăn chặn tứ trụ, là ý của Thông giáo. Theo thứ tự tam trí ngăn chặn ngũ trụ là ý của Biệt giáo. Nhất tâm tam trí ngăn chặn ngũ trụ, là ý của Viên giáo.

Bản tích: Bản, trú trung đạo ngăn lấp nhị biên, tám thứ chướng ngăn chướng Niết-bàn biên, một thứ chướng ngăn chướng sinh tử biên, một thứ chẳng chướng sinh tử, chẳng chướng Niết-bàn, mà chướng Vô dư. Quán tâm: Theo như trước có thể hiểu...

6. Kết: đa tri thức. “Đó là các vị A-la-hán hàng tri thức của chúng” hoặc nói “tri” chỉ là “thức”, hoặc nói nghe danh là “tri” thấy hình là “thức”, thấy hình là “tri” thấy tâm là “thức”.

Bản tích: Bản, là vì chúng sinh mà làm “mãn tự” tri thức. Tích, là làm “bán tự” tri thức.

Quán tâm: Quán hành tri thức như chỉ quán.

Chúng đa tri thức đã nói xong. Tiếp đến, nêu chúng thiếu tri thức.

“Lại có hai ngàn người Hữu học, Vô học”: Chỉ nêu địa vị, nói rõ số, mà không tán đức gọi đây là chúng thiếu tri thức. Thánh cùng phạm

tuyệt giao cũng không phân biệt đa thức hay thiếu thức. Đặc biệt mong mỗi cao ngưỡng mộ xa thì dùng đa thức dẫn dắt. Ẩn danh ẩn đức thoái nhượng thì dùng thiếu thức mà dẫn dắt, tùy thuận chúng sinh cho nên có bấy nhiêu, không thể dùng Tích đa thiếu mà đánh mất Bản kia. Học vô học: trong Tam tạng nói mười tám hạng của Học nhân, chín hạng người Vô học. Trong Thông giáo, ngũ địa đều gọi là Học, lục địa gọi là Vô học. Lại, trong Thông giáo, thì chín địa là Học, Phật địa là Vô học. Trong Biệt giáo Viên giáo, hoặc căn cứ công dụng vô công dụng, hoặc căn cứ cụ túc chưa cụ túc mà nêu rõ Học, Vô học. Kinh A-hàm nói: Ngoại đạo hỏi Phật La-hán còn học không? Phật trả lời La-hán không tạo pháp ác, trụ nơi thiện pháp, học cái Vô học kia tức gọi là “Học”. Nếu thế thì người học cũng gọi là vô học. Người học ngang bằng sở đoạn, không trở lại đoạn, tức là Vô học, đó là bốn câu. Căn cứ năm phương tiện phi học phi vô học, tiện là năm câu. Căn cứ trong bốn giáo liệt kê cũng như vậy, bốn lần năm là hai mươi câu.

Bản tích: Bản, pháp thân đại sĩ, ở địa vị mãn tự học vô học. Tích: Chúng sinh theo bán tự học vô học nhân mà trang nghiêm song thọ. Quán tâm: Chánh quán trung đạo, không duyên nhị biên trung gian, tức là vô học. Có khả năng quán như vậy đó gọi là Học. Nếu căn cứ quán môn nêu rõ số, quán sắc tâm thập pháp giới, thập như. Giới Như xen nhau luận bàn, tức đủ hai ngàn. Nêu tích cho nên tiêu biểu bản pháp, tích tức là bản tích.

Tiếp theo nêu ra Ni chúng: Xưa lấy đây theo lệ trước chia làm hai chúng, nay không dùng. Nếu kể theo trước kia chia hai chúng là đa thức và thiếu thức. Lại, không có văn nghĩa cũng không thể được, chỉ là nêu hai chúng chủ, đâu có nhọc công gọi là lớn nhỏ nhiều ít tri thức.

Trước hết nêu “Ma-ha Ba-xà-ba-đề”: Trung hoa dịch là Đại Ái Đạo. Cũng gọi Kiều-đàm-di, Trung hoa dịch là Chúng chủ. Ni là tên chung của người nữ ở Thiên trúc. Bản, trụ nơi pháp môn trí độ. Tích, là mẹ của ngàn đức Phật, sinh ra và nuôi dưỡng các bậc Đạo sư. Quán tâm giải thích: Theo Trung quán thì rộng lớn gọi là “Đại”, vô duyên từ, gọi là “Ái” trung lý hư thông gọi là “Đạo”. “Đại” tức tự hành, “ái” tức hóa tha, như do “ái” cho nên thọ sinh, Từ cho nên bén duyên với đạo, tức thông tự hành hóa tha.

Sáu ngàn (6000) là số. Quán môn: giải thích: Quán lục căn thanh tịnh đầy đủ ngàn công đức, tuy nhân có tám trăm, nhĩ có một ngàn hai trăm, lấy tổng số nhiều và ít, đủ sáu ngàn tiêu biểu Bản pháp môn, cũng là ý quán Hạnh.

La-hầu-la mẫu, là Da-thâu-da-la: Lấy tên con để nêu mẹ, Trung hoa dịch là Hoa Sắc, cũng gọi Danh Văn, hoặc gọi là Vô Phiền. Người ôn hòa nhã nhặn, kính cẩn cần kiệm, đức sánh bằng Thái tử, khi ở nhà là vợ Bồ-tát, là tri thức hàng nhân thiên. Khi xuất gia làm chủ ni chúng, ở địa vị vô học, đâu phải là danh không vang khắp trong chúng ư! Kinh Thập Nhị Du nêu ra ba vị phu nhân: 1. Cù-di. 2. Da-thâu. 3. Lộc Dã. Kinh Vị Tăng Hữu và Kinh Thụy Ứng, đều nói La-hầu là con của Cù-di Kinh Niết-bàn và Pháp Hoa đều nói là của Da-thâu. Hai nghĩa làm sao thông? Hoặc có thể kinh kia nêu Đại mẫu, kinh này nêu sở sinh. Thích luận giải thích: Cu-tỳ-đà là Bảo nữ, không có thai, tức là Cu-di, đây dịch là Minh nữ. Cho nên biết: nhất định La-hầu là con của Da-thâu.

Bản tích: Thê thì tề vậy, đâu có bác địa làm vợ Thái tử? Cho nên biết: Bản, trụ nơi tịch định pháp hỷ vi diệu, Tích là vợ Thái tử. Kinh Bi Hoa nói: Xưa ở chỗ Đức Phật Bảo Tạng, phát lời thệ làm vợ... Quán Không vô lậu pháp hỷ, tức lấy Lộc Dã tiêu biểu làm vợ. Quán Giả đạo chủng trí pháp hỷ, tức lấy Da-thâu tiêu biểu làm vợ. Quán Trung pháp hỷ, tức lấy Cu-di tiêu biểu làm vợ. Trên là phân rõ bản tích quán tâm, nay lại tổng luận bàn, hiển bày quyền thừa khéo léo quanh co, nêu rõ quán hạnh tinh vi. Xét rằng Thủ Lăng-Nghiêm thị hiện bao nhiêu thứ, thích ứng với căn tánh chúng, không việc gì mà không làm, nay còn thân cận luận bàn. Tích, gá thác trong vương cung giáng sinh làm vợ thần thánh, Pháp thân Bồ-tát đều giúp Phật hành hóa, mà hiện ra nhiều hình ảnh khác nhau. Như ba mươi hai tướng tốt bẩm sinh, các bậc đại sĩ đều sinh ra như vậy, hoặc trong nhà trống, mưa báu, mộng kỳ lạ, biện tài, thông suốt. Như Hoàng Thái tử, bỏ nước và vương vị vượt thành học đạo, các Đại sĩ đều theo thầy thỉnh nghiệp, tài nghệ bao gồm thông suốt làm thầy tông kia. Nếu pháp luân ban đầu mở cam lồ môn khai, nghe các đại sĩ hóa duyên chưa thuần thực, thị hiện đồng không thọ nhận cùng đứng riêng một phe mà làm lẽ ngang nhau tôn sùng đạo chân thật của ta. Năng hóa sở hóa hoàn toàn nguyên chất như Sữa. Nếu sở hóa duyên thuần thực, thì tơ trắng dễ nhuộm, hoa sen trong ao sớm nở, chuyển phàm thành thánh chuyển Sữa thành Lạc, thầy chủ yếu là đệ tử thượng thủ của Đức Phật. Hoặc trí tuệ, thần thông, biện tài, Tam-muội, mỗi mỗi đệ nhất, cùng phụ Pháp vương, độ những người chưa được độ, thuần thực lại những người đã thuần thực, ngồi tòa Phương Đẳng, nghe công đức bất khả tư nghì của Bồ-tát, mà thẹn Tiểu thừa hâm mộ Đại thừa. Thẹn Tiểu thừa, thì than ôi tự trách mình để mất vô lượng tri kiến Như Lai. Hâm mộ Đại thừa thì không biết phải làm thế nào để đắc Vô

thượng trí tuệ Phật, như chuyển Lạc thành Sinh tô. Tiếp đến nghe Bát-nhã Ma-ha-diễn môn, ban đầu trải qua sắc tâm, sau cùng nơi Chủng trí bao gồm tiểu đại, trong ngoài, cho nhận, hoặc chung hoặc riêng hoặc Thiên hoặc Viên phụng mệnh lãnh biết mà không hy vọng có được, dù chưa đón xả mà đã dần dần thông thái, như chuyển Sinh tô thành Thực tô. Tiếp đến, nghe kinh Pháp Hoa biết thiên chân tánh, xác định cha con, thọ ký trao phó Đại thừa, bỏ ba trở về một, như bốn vị khác mà đồng một vị Đề-hồ, không khiến chỉ riêng một người được diệt độ, mà đều dùng sự diệt độ của Như Lai để diệt độ. Pháp vương pháp thân vì đại sự xuất thế khéo dụng phương tiện, ban đầu dùng bán tự pháp để phá sự phiền phức của hai mươi lăm cõi, thành Tứ khô song thọ lợi ích chúng sinh, tiếp đến dùng bán mãn pháp để phá độc (chỉ riêng mình) thiện của Nhị thừa, thành hạnh rộng lớn của Bồ-tát thành Bốn song thọ tươi tốt lợi ích Thánh nhân. Sau dùng mãn tự thường trú để phá nhị biên trước sau, thành bí mật tạng của Phật không khô cũng không tươi, rốt ráo lợi ích. Công chủ tướng đã hoàn tất, đại nguyện đã hoàn mãn, cho nên Thân-tử, Mục-liên đối với Pháp Hoa dừng hóa độ, thánh chủ bỏ thân mạng này cũng không bao lâu nữa. Văn nói: “Như bản thế nguyện xưa của ta nay đã đầy đủ, Như Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn”. Sự kiện “sau khi thuyết kinh Pháp Hoa xong, Phật tuyên bố sẽ nhập Vô dư Niết-bàn”, thì hai vạn đức Phật đồng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, Phật Ca-diếp v.v... đều như thế. Nay thầy trò đều đối với kinh này phát tích, bên trong thì ẩn Bồ-tát đạo, bên ngoài thì hiện tướng Thanh văn, sự thật thì thành Phật đến nay đã vô lượng kiếp. Lấy đây mà suy xét, các đại La-hán từ pháp thân địa rữ bóng tùy duyên tích đến muôn dòng, làm Hữu học hay Vô học, làm nam làm nữ, thị hiện đạo thị hiện tục Lực Thủ-lăng-nghiêm thì không nơi nào là không hiện, phương tiện thiện xảo quyền biến là như thế...

Tổng nêu rõ quán: Thầy trò trên thi thiết giáo hóa, là pháp thân sở vi. Nếu không phương tiện tác quán, thì đối với hành nhân không lợi ích, ví như người nghèo đếm báu của người khác, như người mù cầm đèn. Nhưng tâm sở rất nhiều, nếu căn cứ tâm sở thiện thì như chúng đệ tử chỉ nêu mười người Hữu học thôi. Mười thiện tâm sở là: tín, tiến, niệm, định, tuệ, hỷ, ý, xả, giác, giới. Mười tâm sở này phụ giúp tâm vương có thể cải ác thành thiện, cải phàm thành Thánh. Biện rõ tất cả pháp môn chỉ lấy mười tâm làm gốc, ví như mười vị đệ tử phụ Phật hành hóa cùng thuần thực chúng sinh đứng trong Phật pháp. Tâm sở Tín, ví như A-na-luật thiên nhãn đệ nhất, nhãn đứng đầu trong hàng ngũ nhãn, như các

phương lấy phương Đông làm đầu, tín là đứng đầu trong các tâm sở để nhập Phật pháp, Tâm sở Tiến (tinh tấn), ví như Ca-diếp đầu-đà đệ nhất, đầu tẩu siêng năng khổ hạnh. Tâm sở Niệm, ví như Ưu-ba-ly trì luật đệ nhất, Tâm niệm lực kiên cường nhớ trì không quên. Tâm sở Định, ví như Mục-liên thân thông đệ nhất. Tâm sở Tuệ, ví như Thân-tử trí tuệ đệ nhất, đều có thể hiểu. Tâm sở Hỷ, ví như A-nan đa văn đệ nhất, đa văn phân biệt lạc, lạc tức hỷ. Tâm sở Ý, ví như Chiên-diên luận nghị thể cùng vi tận lý, trừ tà hiển chánh, như “ỷ” lia ác đặc thiện, buông khổ nhập lạc. Tâm sở Xả, ví như đối với Thiện Cát giải Không đệ nhất, hoặc trú Không bình đẳng tương ứng với Xả. Tâm sở Giác, ví như Phú-lâu-na thuyết pháp đệ nhất, giác là gốc của ngôn ngữ, gốc lập thì biện thuyết không cùng. Tâm sở Giới, ví như La-hầu-la trì giới đệ nhất, có thể hiểu. Mười thiện tâm sở hợp với tâm vương năng thành quán hạnh, trong nhất niệm thâm nhập thiện pháp, Tam bảo đầy đủ. Tâm vương tức Phật bảo, tâm sở tức Tăng bảo, sở duyên thật tế không tâm vương cũng không tâm sở, tức Pháp bảo. Nếu nhập Thật tế thì đầy đủ công lực dụng của tâm vương và tâm sở. Lại dùng để thông đại địa thì mười tâm sở cùng tâm vương cùng khởi, nhập thiện nhập ác, biến thông tất cả. Mười tâm sở đó là tưởng, dục, xúc, tuệ, niệm, tư, giải thoát, ức, định, thọ. “Tưởng”, đối Phú-lâu-na, tưởng đặc giả danh, người ấy khéo đạt giả danh, biện tài không ngưng trệ. “Dục”, đối Ca-diếp. Ca-diếp không còn dục thế gian mà chỉ có dục nơi vô vi. “Xúc”, đối Ca-chiên-diên, xúc nhập hai việc càng liên quan nhau nhập, Ca-chiên-diên khéo luận nghị qua lại cùng tận. “Tuệ”, tức Thân-tử, có thể hiểu. “Niệm”, đối Ba-ly, niệm trì luật là bậc thượng. “Tư”, đối La-hầu-la, Tư là hành ấm, người này thực hành trì giới. “Giải thoát”, đối Thiện Cát. “Thoát”diễn tả vô lụy. Người này giải Không, ở nơi Có mà được giải thoát. “Ức”, đối Na-luật, nhớ nghĩ động phát chọn cảnh tu thiên nhân để nhập Tam-ma-đề. “Định”, đối Mục-liên, có thể hiểu. “Thọ”, đối A-nan, đa văn lãnh thọ trì không lầm lẫn. Mười vị đệ tử, mỗi mỗi đầy đủ các đức để dẫn các pháp môn chuyên biệt, tuyên bày đạo tùy thuận lòng ham muốn của chúng sinh. Muốn tuệ, thì thầy là Thân-tử. Cho đến, muốn đa văn thì thầy là A-nan. Cùng phụ đáng pháp vương, đều bắt tay làm một phần việc. Nay quán tâm cũng như vậy, trong mỗi một tâm đều đầy đủ tâm vương tâm sở tạo thành quán, cho nên tâm vương tâm sở dựa vào nhau mà được khai ngộ. Hoặc là ở nơi tâm sở Tưởng mà nhập đạo, hoặc là ở nơi tâm sở Dục mà nhập đạo, tùy chỗ thích nghi mà tâm vương tâm sở cùng trị liệu, hóa độ, chọn lấy các tâm trần lao mà làm Phật sự. Tác

quán đây chưa ngộ, quán hành như Sữa, nếu phát sinh vô lậu thì quán hành như Lạc. Nếu phá Trần-sa-hoặc thì như Sinh tô Thục tô. Nếu phá vô minh thì quán như Đê-hồ. Khi đến Đê-hồ thì tâm vương tâm sở đều hoàn tất. Vì tâm tâm sở pháp không hành, nên gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Kinh Phổ Hiền Quán nói rằng: “Quán tâm vô tâm pháp, không trú pháp. Tâm ta tự không tội phước, vô chủ”. Tức là không tâm, không tâm sở, gọi là Chánh quán. Nếu tâm sở trần lao ấy không hết, thì quán không xong. Cho nên kinh nói: “Chúng sinh chưa được độ hết, thì ta không thành Chánh giác”, là ý này...

I. NÊU CHÚNG BỒ TÁT: Thích Luận nói: Bồ-tát thì thuộc về bốn chúng xuất gia tại gia. Vì sao nêu riêng? Đáp: Có Bồ-tát thuộc hàng bốn chúng, có bốn chúng không thuộc hàng Bồ-tát bởi vì họ không phát tâm thành Phật, cho nên nay nêu riêng chúng đồng phát tâm cầu làm Phật, gọi là “chúng Bồ-tát”. Văn chia làm sáu:

1. Khí loại.
2. Đại số.
3. Giai vị.
4. Tán đức.
5. Liệt danh.
6. Câu Kết.

1. Khí loại: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu nói đủ thì nói Bồ-đề Tát-đỏa Ma-ha-tát-đỏa, ngài La-thập sợ nhiều phiền phức nên bỏ bớt một chữ Đề và hai chữ Đỏa. “Bồ-đề”, Trung hoa dịch là Đạo, “Tát-đỏa”, dịch là tâm, “Ma-ha” dịch là đại. Hạng người này đều mong cầu đại đạo rộng lớn. Lại, vì thành thực chúng sinh, nên là khí loại “đạo tâm đại đạo tâm”. Bồ-tát có nhiều hạng, gọi là Thiên, Thông, Biệt, Viên. Như Thích luận giải thích dẫn Ca-chiên-diên-tử nêu lục độ đủ hạn thì mới khắp, đây là muốn điều hòa huyết chúng sinh thành Sữa (nhũ). Kinh Đại Phẩm nói: “Có Bồ-tát phát tâm tương ứng Tát-bà-nhã” thì đây là muốn điều Sữa thành Lạc. Hoặc là Đại Phẩm nói: “Có Bồ-tát phát tâm thần thông du hý tịnh cõi nước Phật”. Lại, như trong kinh Tịnh Danh: Người đắc bất tư nghì giải thoát, đều có khả năng biến hóa thân, đăng tòa mà lại chịu đui lý, bị quở trách”, đây là muốn điều Lạc thành Sinh tô Thục tô. Hoặc là Đại Phẩm nêu: “Có Bồ-tát phát tâm liền ngồi đạo thọ, thành Đẳng chánh giác, chuyển pháp luân độ chúng sinh”, đây là điều Thục tô thành Đê-hồ. Cho nên, văn dưới nói: “Bồ-tát nghe pháp này, thì các sự nghi đều trừ”. Lại nói: “Nếu Bồ-tát không nghe Pháp

Hoa, thì chẳng khéo hành Bồ-tát đạo, nếu nghe kinh này tức khéo hành Bồ-tát đạo”. Lại, kinh Niết-bàn nói: “Bồ-tát nếu không nghe kinh Niết-bàn thì thường có hy vọng. Nếu nghe Niết-bàn thì hy vọng đều dứt”. Cho nên lược có bốn hạng Bồ-tát.

Giải thích theo Bản tích: Bản địa khó lường, hoặc ở địa vị Đẳng giác hoặc ngang bằng Pháp vương. Như Thiện Tài nhập pháp giới thấy sắc tượng của Văn-thù vô biên pháp môn sâu xa. Bản, thân cận chư Phật. Tích, phụ Thích Tôn làm Bồ-tát hiện khắp lực Tam-muội sắc thân, thị hiện bóng dáng, dùng khẩu luân bất khả tư nghị hóa tùy nghi thuyết rộng. Có thể lấy ý mà hiểu, không thể dùng ngôn từ biện giải. Do đó, Tích dẫn bốn vị qui về một thật. Thành vị Đề-hồ rồi thì một kỳ hạn hóa độ xong, nhưng Bản địa kia thì đã rớt ráo thành tựu, đâu phải ngày nay mới bắt đầu vào Đại Thừa, cũng chẳng phải đạo tràng tịch diệt, mặt trời chiếu núi cao trước. Hoặc là đốn hoặc là tiệm, cũng đều là Tích sở vi. Quán giải thích: Trung đạo quán tâm song chiếu nhị đế, gọi là “đại”. Thông đến quả Bồ-đề, gọi là “đạo”. Phá ngũ trụ trần lao gọi là “thành chúng sinh”.

2. *Đại số*: Tám vạn người: là số: Các kinh tập chúng rất nhiều, kinh này vì sao ít? Hoặc là nói số lớn kia, hoặc ví như vua bàn về bí mật quốc gia thì không thể đưa ra khắp nước cùng tham mưu.

Căn cứ Quán tâm: Quán một tâm thiện đầy đủ mười pháp giới, mười cõi giao lẫn nhau đủ trăm pháp giới ngàn tánh tướng... Thập thiện tức vạn pháp. Căn cứ bát chánh đạo tức tám vạn pháp môn “Đều ở nơi A-nậu Tam-bồ-đề bất thoái chuyển”, đây là nêu rõ địa vị vậy. “A-nậu”, Trung hoa dịch là Vô thượng đạo, như nói cảnh thật nhiệm mầu, địa vị cũng vậy. “Bất thoái chuyển”, căn cứ Địa vị Hạnh, Niệm để luận bất thoái ứng với bốn loại phân biệt, Không sinh ba ác đạo, là Địa vị bất thoái: Không sinh chốn biên địa, các căn đầy đủ, không thọ thân nữ, là Hạnh bất thoái. Thường biết túc mạng, là Niệm bất thoái. Đầy đủ các điều này, thì gọi là A-bệ-bạt-trí địa. Đây là nghĩa của Tam tạng giáo. Nếu sáu tâm trở về trước, khinh thường Bồ-tát, Tín căn chưa lập, thì địa vị kia còn thoái thất. Bảy tâm trở về trước, từ Sơ địa đến Lục địa không thoái, làm phạm phu nhị thừa, gọi là Địa vị bất thoái. Tuy chánh sử đã tận mà chưa thể tu khắp vạn hạnh, người kia hạnh còn thoái lui, đến Thất địa gọi là Hạnh bất thoái, mà còn khởi niệm nhị thừa cho nên Có niệm thoái. Đến bát địa, đạo quán cả hai lưu nhập vào pháp như nước chảy gọi là Niệm bất thoái, đây là A-bệ-bạt-trí địa. Đây chính là nghĩa Tam thừa cộng Thập địa. Địa Sư nói: Thập trú là Chứng bất thoái, Thập

hạnh là Vị bất thoái, Thập hồi hương là Hạnh bất thoái, Thập địa là Niệm bất thoái. Đây là nghĩa của Biệt giáo, không phù hợp với kinh này, nay không dùng đến. Kinh Anh Lạc nói: Sơ địa tam quán hiện tiền, tâm tâm tịch diệt tự nhiên lưu nhập, đây cũng là Biệt giáo bất thoái, nay cũng không dụng. Như Hoa Nghiêm nêu Sơ trụ đặc một thân Như Lai vô lượng thân, đầy đủ ba thứ bất thoái. Đây là Viên giáo bất thoái, là sự nhất thật. Nay dùng nghĩa này để phê phán địa vị.

Bản tích: Bản địa tịch diệt còn chẳng phải thập địa, hướng chi là sơ trụ. Còn chẳng phải sơ trụ bất thoái hướng chi là Biệt, Thông. Địa vị Biệt Thông thích nghi với chúng nêu ở các kinh khác, địa vị Viên giáo chính ở kinh này. Luận sư các kinh đã không biết Tích, thì làm sao có thể biết Bản? Tán thán nhưng vì lầm lẫn mà thành hủy báng, vẫn tạo thành thêm bớt hai bên thì sao gọi là tán đức? Quán tâm: Tam quán tức là tam bất thoái. Lại, nhất tâm tam quán tức nhất tâm tam bất thoái.

3. *Giai vị*: Xưa nói từ “đều được Đà-la-ni” trở đi là bắt đầu tán đức. Nay lấy từ “bất thoái chuyển” tức đầy đủ hai ý, thành trên thuộc nêu rõ địa vị, khởi sau thuộc tán đức.

4. *Tán đức*: Xưa nói Tán đức gồm mười hai câu phân làm bốn ý: ba câu đầu, tán đức hiện tại, ba câu tiếp, tán Hạnh quá khứ, bốn câu tiếp theo, tán nội thể, hai câu sau cùng, tán ngoại danh. Bốn ý không đồng mà đức ở ba câu đầu cho nên gọi là Tán đức. Tán Đức hiện tại, lại chia làm hai: Câu đầu, tán Tự hành, hai câu sau, tán Hóa tha. Tán Hạnh chia làm ba: Câu đầu, tán hạnh bản, bản từ chư Phật đặc Bất-nhã; câu tiếp, tán bản hạnh là hành phước đức, đã có phước thì có thể giúp cho trí tuệ, câu tiếp, là Phật tán thán. Tán nội thể, chia làm ba: Câu đầu, Từ bi tán thán ứng thân, hai câu giữa, tán thán tâm tuệ Báo thân, một câu sau, tán pháp thân. Tán ngoại danh, chia làm hai: Câu đầu, tán thán danh vang khắp; câu tiếp, tán có khả năng độ chúng sinh. Phần văn này thật rõ ràng như trước mắt, nhưng nếu luận phần vi tế nhỏ nhiệm khác thì khó mà định hướng. Nếu tán thán Thông giáo, thì Thông giáo không có ba thân, lại chẳng thâm nhập Phật tuệ, danh không vang khắp, các nghĩa không thành. Nếu tán thán Biệt giáo, thì Biệt giáo Sơ địa đã vượt qua Nhị thừa, sao lại nói Thất địa còn khởi niệm Thanh văn Bích-chi-phật? Nếu tán thán Viên giáo, thì không nên nói Thất địa sắp xuống là không có đức bất thoái. Tiến thoái không xong thì biết tán thán ai, việc ấy không dùng.

Nay lấy mười ba câu làm hai chiều ngang dọc để hiểu nghĩa:

1. Theo chiều dọc, căn cứ Thập địa để tiện giải nghĩa.

2. Theo chiều ngang, căn cứ Sơ trụ để tiện giải nghĩa.

“Bất thoái chuyển”: thành trước tức là nêu rõ địa vị, khởi sau tức là tán đức, do đối với sơ địa. Sơ địa gọi là hoan hỷ, hoan hỷ vì không còn rơi vào nhị biên mà nhập Trung đạo, thấu hoạch tam bất thoái, cho nên biết tán thán sơ Hoan hỷ địa. “Đều được Đà-la-ni là tán thán Nhị địa, gọi là Ly cấu. Cũng gọi là Ly đạt, xa lìa ngăn chướng các việc ác, thấu đạt giữ gìn các điều thiện, tức nghĩa Đà-la-ni, cho nên biết tán thán Ly cấu địa. Câu: “Nhạo thuyết biện tài”: tán thán Tam địa. Tam địa gọi là Minh địa, bên trong trí tuệ sáng suốt bên ngoài biện tài giảng thuyết, muốn biết trí thì xem thuyết. Thuyết có các thứ nhạo thuyết tối thắng cho nên biết tán thán Minh địa thứ ba. Câu: “Chuyển bất thoái chuyển pháp luân” là tán thán địa thứ tư, địa này gọi là Diệm. Diệm là lửa sáng năng phá sự tối tăm, lại năng thiêu hủy. Chuyển pháp luân là tự thiêu hủy lậu hoặc của mình như lửa cháy thiêu hủy, và phá mê cho người khác ví như trừ tối, cho nên biết tán thán Diệm địa thứ tư. Câu: “Cúng dường trăm ngàn chư Phật” là tán thán Ngũ địa, đây gọi là Nan Thắng địa, địa này đặc thiên định sâu xa, các lực dụng thần thông khó sánh kịp, khó vượt hơn, chỉ trong khoảnh khắc một niệm biến khắp mười phương cúng dường chư Phật, cho nên biết tán địa thứ năm. Câu: “Ở chỗ chư Phật gieo trồng các cội đức” là tán thán Lục địa, đây gọi là Hiện tiền địa, do đặc thiên có công năng cúng dường chư Phật, phước trợ giúp Chứng trí, khiến Chứng trí được hiện tiền. Trí là gốc của đức, như gieo hạt giống vào đất, cho nên biết tán thán Lục địa.

Câu: “Thường được các Đức Phật khen ngợi” là tán đệ thất Viễn hành địa, địa này nhị trí phương tiện vượt qua tất cả, rộng tu lợi ích, xứng hợp tâm Phật, cho nên biết tán thán đệ Thất địa. Câu: “Dùng đức Từ để tu thân” là tán thán đệ bát Bất động địa, chánh trí bất động không xuất tam giới, chỉ lấy Từ huân tập thân ứng nhập ngũ đạo, huân tập khẩu vì thuyết pháp, huân tập tâm vì thiết lập phương tiện. Chính kinh Pháp Hoa huân đầy đủ tam nghiệp, cho nên biết tán thán Bát địa. Câu: “Khéo nhập Phật tuệ” là tán thán đệ cửu địa, địa này gọi là Thiện Tuệ địa, thâm nhập thật tế vi diệu, thấu suốt nguồn gốc, đây gọi là nghĩa tối hợp, cho nên biết tán thán đệ Cửu địa. Câu: “Thông đạt đại trí” là tán thán Thập địa, địa này gọi là Pháp vân địa. Pháp thân như hư không, thiên định như mây lớn, trí tuệ như mưa lớn. Khéo nhập Phật pháp, gọi là “tuệ”, khéo dụng Phật pháp gọi là “trí”, xen nhau nêu lên. Câu: “Đến bờ bên kia” là tán thán nội đức của Thập địa, đến bờ kia của Tam đế, tức trong Nhân nói Quả. Lại, đến chẳng còn lâu nữa.

Câu: “Danh đồn vang khắp” là tán thán ngoại đức của thập địa, do nội đức sâu rộng đến nỗi khiến cho thanh danh vang khắp, trong ngoài tương xứng. Nếu mở ra địa vị Đẳng giác, thì hai câu này nghĩa gần như vậy. Câu “Năng độ trăm ngàn chúng sinh”: các địa khác độ chúng sinh, một cõi đến chín cõi, không gọi là năng độ. Thập địa thù thắng hơn các địa trước, cho nên gọi là Năng độ, các địa đều đầy đủ công đức, mà nay ẩn hiện vô thường để giải thích vì lòng người ưa khác lạ. Cho nên, nương thập địa gọi là thuận tiện. Lại, nghĩa theo chiều dọc thì dễ hiểu. Tiếp đến theo chiều ngang tán thán: Căn cứ trực tiếp vào Sơ trụ mà nói các địa vị mỗi mỗi theo lệ có thể hiểu. Hàng sơ phát tâm trụ, nhất phát nhất thiết phát, vượt qua nhị biên, cách phàm siêu thánh nhập Trung đạo, tâm kia vắng lặng, niệm niệm lưu nhập biển Tất-bà-nhã, cho nên nói đặc bất thoái chuyển. Hàng Sơ trụ ngăn chướng vô minh, vô tri... lìa chấp tướng... Trì đạt ba đức Bát-nhã, Giải thoát, Pháp thân, cho nên nói “đặc Đà-la-ni”, Thập tín tựa như Giải còn có thể dùng âm thanh vi diệu biến khắp ba ngàn cõi, hướng chi hàng Sơ trụ, chân thật thấu hiểu công đức khẩu mật cho nên nói “Nhạo thuyết biện tài”. Sơ trụ có khả năng phân thân làm Phật tại hàng trăm thế giới. Luận về chỗ chân thật kia, tức vô lượng vô biên vì có khả năng làm Phật thuyết pháp giáo hóa cho nên nói: “Năng chuyển bất thoái pháp luân”. Sơ trụ đặc thần lực bất tư nghì, có thể thừa sự chư Phật khắp pháp giới, cho nên nói “cúng dường trăm ngàn chư Phật”. Sơ trụ đặc Bản thật tướng, có thể gieo trồng các đức. Sơ trụ khai mở tri kiến Phật, khai tri kiến rồi thì cùng với pháp chư Phật đồng, cho nên “được chư Phật khen ngợi”. Sơ trụ vô duyên từ hiện khắp các sắc thân, ứng khắp pháp giới, cho nên nói “dùng đức Từ mà tu thân”. Sơ trụ nhập bí mật tạng, cho nên nói “khéo nhập Phật tuệ”. Sơ trụ nhất tâm tam trí không có chướng ngại, cho nên nói thông đạt đại trí. Sơ trụ sự lý phân rõ ráo, cho nên nói “đến bờ bên kia”. Công đức Sơ trụ tròn đầy, chân thật, tương xứng với danh, cho nên nói “danh đồn vang khắp thế giới chư Phật”. Sơ trụ có thể vì chúng sinh trong mười pháp giới mà làm chỗ nương, an lập cứu giúp cho nên nói “có thể độ trăm ngàn chúng sinh”. Sơ trụ lại có vô lượng vô biên các thứ công đức bất khả tư nghì, đây là lược nói mười ba câu. Từ Nhị trú cho đến Đẳng giác cũng lại như vậy. Cho nên, kinh Đại Phẩm nói: Ban đầu môn quán chữ A có đầy đủ công đức của bốn mươi mốt chữ, cho đến chữ “Trà” ở sau cũng đủ công đức của các chữ, các chữ trung gian cũng như vậy. Công đức của các chữ, các ngữ cũng đồng vậy.

Hỏi: Trong đây tán thán đức Đoạn hoặc Tam tạng không đoạn

hoặc, có thể không được tán thán, hàng Thanh văn còn được tán thán. Tích làm Thông Biệt sao không tán thán đức?

Đáp: Thông tán thán nơi Tích mới có nghĩa đây, kinh này chính nêu người của Viên giáo, không tán thán phương tiện đó thôi!

Hỏi: Tại sao nói các câu công đức đều tán thán Sơ trụ?

Đáp: Các vị khác cũng như thế, đâu riêng gì Sơ trụ. Xưa nói: Tám địa có các công đức không lấy gì làm nghi nữa. Nay tán thán trọn vẹn Sơ trụ, có đức nào mà không thu nhiếp? Sơ trụ mà còn như thế huống gì các vị sau?! Pháp Hoa luận nói: Từ chi thượng đến chi hạ là tổng tướng biệt tướng, nên biết một câu đầu: “đắc bất thoái chuyển” là tổng. Bất thoái này có mười thứ thị hiện: Nghe pháp bất thoái chuyển tức Đà-la-ni. Nhạo thuyết bất thoái chuyển tức là Nhạo thuyết biện tài. Thuyết bất thoái chuyển tức là “chuyển bất thoái pháp luân”. Y thiện tri thức bất thoái chuyển, tức “cúng dường trăm ngàn chư Phật, gieo trồng cội công đức”. Đoạn nghi bất thoái chuyển tức là “được chư Phật tán thán”. Nhập sự bất thoái chuyển, tức là “dùng đức Từ mà tu thân”. Nhập nhất thiết trí như thật cảnh bất thoái chuyển, tức là “khéo nhập Phật tuệ”. Y ngã không pháp không bất thoái chuyển, tức là “thông đạt đại trí”. Nhập như thật cảnh bất thoái chuyển, tức là “đến bờ bên kia”. Ứng tác sở tác bất thoái chuyển, tức là “độ trăm ngàn chúng sinh”. Cho nên, câu ban đầu nêu tổng, tức là chi thượng. Tiếp đến, các câu riêng biệt là chi hạ. Trong phần ghi chép tán thán đức Sơ trụ theo chiều ngang, tức cùng ý đây đồng. Luận nói điều thứ hai là Nhiếp thủ sự môn, thị hiện các Bồ-tát trú trong địa thanh tịnh như thế nào, do phương tiện gì? Cảnh giới gì? Những việc nào nên làm? Nếu theo nghĩa này thì tán thán đức Bồ-tát theo chiều dọc cũng không ngại.

Quán tâm giải thích Tán thán đức: “Bất thoái chuyển” như trước nói. “Đà-la-ni”: Không quán là Triền Đà-la-ni, Giả quán là Trăm ngàn Triền Đà-la-ni. Trung quán là Pháp âm phương tiện Đà-la-ni. Lại, Không quán: quán tâm chỉ có danh tự, tức Văn trì Đà-la-ni. Giả quán: quán tâm, vô lượng tâm, tâm vương tâm số pháp đều là pháp môn, tức Hành trì Đà-la-ni. Trung quán: quán tâm, tâm tức thật tướng, tức là Nghĩa trì Đà-la-ni. Giả quán, quán tâm đầy đủ pháp của mười pháp giới, tức Pháp vô ngại biện. Trung quán, quán tâm thập pháp giới đều nhập thật tướng, tức Nghĩa vô ngại biện. Không quán, quán tâm thập pháp giới chỉ có danh tự ngôn ngữ, tức Từ vô ngại biện. Quán nhất tâm tức tam tâm, tam tâm tức nhất tâm, nhất giới nhất thiết giới, triển chuyển vô ngại, tức Nhạo thuyết vô ngại. Không quán, là chuyển Vị bất thoái pháp luân. Giả

quán, là chuyển Hạnh bất thoái pháp luân. Trung quán, là chuyển Niệm bất thoái pháp luân. “Cúng dường Phật”: chỉ là tùy thuận lời Phật dạy. Nay thuận lời Phật dạy tu tam quán tâm tức là “cúng dường Phật”. Pháp ngũ trụ phiền não, đắc giải thoát, tức “cúng dường Pháp”. Lý tam đế hòa hợp, tức “cúng dường Tăng”. Lại, các hạnh tâm giúp tâm quán trí, tức cúng dường Phật. Quán trí tâm khai phát cảnh giới, tức cúng dường Pháp. Cảnh trí tâm hòa hợp, tức cúng dường Tăng. Thật tướng tâm là gốc của quán trí tâm, quán trí tâm là gốc của các hạnh tâm. Được gốc thì mọi thứ đều đứng vững, cho nên nói “trồng các cội đức”. Quán trí tâm sâu xa đối với nơi cảnh giới, cảnh giới được in lại ở quán trí. Trí có sở chiếu thường cùng cảnh hợp, tức là “được Phật xưng tán”. Không quán, là pháp duyên Từ huân tập. Giả quán, là chúng sinh duyên Từ huân tập. Trung quán, là Vô duyên từ huân tập. Không quán nhập Thông Phật tuệ, Giả quán nhập Biệt Phật tuệ, Trung quán nhập viên Phật tuệ. Không quán, đến bến bờ kia Nhất thiết trí. Giả quán, đến bờ kia Đạo chủng trí. Trung quán, đến bờ kia Nhất thiết chủng trí. Không quán, nghe Chân đế, Giả quán nghe Tục đế, Trung quán nghe khắp Trung đạo đệ nhất nghĩa đế, cũng nghe khắp Tam đế. Không quán, độ Tứ trụ trăm ngàn chúng sinh, Giả quán, độ Trần sa trăm ngàn chúng sinh. Trung quán, độ Vô minh trăm ngàn chúng sinh. Nhất tâm tam quán có vô lượng đức, tán thán không cùng tận, chỉ lược thuyết thôi!

5. *Liệt danh*: Đại sĩ đại danh hoặc theo pháp môn, hoặc theo hạnh đức, hoặc theo bản nguyện, tuy là một danh mà đủ vô lượng nghĩa, nay y kinh y quán, giải thích tên của mười tám vị Bồ-tát.

“*Văn-thù-sư-lợi*”, Trung hoa dịch là Diệu Đức, Đại Kinh nói: Thấy rõ Phật tánh cũng như Diệu Đức. Kinh Vô Hành nói: Mãn-thù-thi-lợi Phổ Siêu gọi là Nhu thủ. Kinh Tư Ích nói: Tuy nói các pháp mà không khởi pháp tướng cũng không khởi phi pháp tướng nên gọi là Diệu Đức, Kinh Bỉ Hoa nói: Nguyện ta hành Bồ-tát đạo, chúng sinh được hóa độ khắp mười phương đều thành Phật trước và khiến cho, thiên nhân của ta đều thấy tất cả. Quốc độ của ta đều là Nhất sinh Bồ-tát, thấy đều theo ta khuyến phát đạo tâm, ta hành Bồ-tát đạo không có ngưng nghỉ. Trong kinh Bảo Tạng, Phật dạy: Công đức ông tạo dựng vô cùng sâu xa, nguyện đạt đến Diệu độ, cho nên nay hiệu là Văn-thù-sư-lợi được làm Phật ở thế giới Hoan Hỷ phương Bắc, hiệu là Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích Phật. Hiện nay mọi người nghe danh hiệu ngài thì diệt được bốn trọng tội, vì hình bóng Bồ-tát là biểu trưng Đức Phật Thích Ca. Quán tâm tánh lý ba đức bí mật, không ngang không dọc cho nên

gọi là Diệu đức.

“Quán Thế Âm”: Thiên Trúc gọi là Bà-lũ-cát-đề-duyệt. Kinh Tư Ích nói: Nếu chúng sinh nào thấy được ngài thì nhất định chứng đắc Bồ-đề, người nào xưng danh hiệu thì thoát khỏi các khổ cho nên gọi là “Quán Âm”. Kinh Bi Hoa nói: Nếu chúng sinh nào đang chịu khổ mà nhớ nghĩ xưng danh hiệu ta, thì ta dùng thiên nhãn thiên nhĩ để thấy nghe, nếu người ấy không thoát khổ thì ta không thành Chánh giác. Trong kinh Bảo Tạng, Phật nói: Ông xem xét tất cả chúng sinh sinh tâm đại bi, nên nay tên hiệu của ông là “Quán Thế Âm”. Phần văn dưới tự giải thích tên...

